

Bản án số: 41/2024/HSST
Ngày 12/11/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN MÔ – TỈNH NINH BÌNH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lưu Xuân Hạ

Ông Tạ Văn Toan

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Mô.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Mô tham gia phiên tòa: Bà Đào Thị Ngoan - Kiểm sát viên.

Ngày 12/11/2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Mô xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 39/2024/TLST - HS ngày 10 tháng 10 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2024/QĐXXST - HS ngày 30 tháng 10 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Đinh Thị S, sinh năm 1974 tại, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú: Tổ dân phố Y, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: lớp 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đinh Văn L (đã chết) và bà Đỗ Thị M (đã chết); chồng: Đỗ Văn T và 03, con lớn nhất sinh năm 2010, con nhỏ nhất sinh năm 2018; tiền án: không; tiền sự: không. Lịch sử bản thân: Ngày 02/12/2019 bị Công an huyện Y xử phạt vi phạm hành chính, phạt tiền 1.000.000đ về hành vi “Đánh bạc”. Ngày 09/12/2019 bị cáo đã chấp hành nộp phạt. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, hiện đang chấp hành Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú theo lệnh số: 56/LCCT - TA ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Yên Mô. Có mặt.

2. Nguyễn Văn T1, sinh năm 1982 tại xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú: Thôn T, xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: lớp 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn L1 (đã chết) và bà Nguyễn Thị T2; vợ: Lê Thị Y và 03, con lớn nhất sinh năm 2004, con nhỏ nhất sinh năm 2009; tiền án: không; tiền sự: Ngày 17/11/2017 bị Công an huyện Y xử phạt vi phạm hành chính, phạt tiền 1.500.000đ về hành vi “Đánh bạc”. Ngày 11/3/2024 bị cáo đã chấp hành nộp phạt. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi

khỏi nơi cư trú”, hiện đang chấp hành Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú theo lệnh số: 58/LCCT - TA ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Yên Mô. Có mặt.

3. Phạm Duy K, sinh năm 1998 tại thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú: Tổ dân phố T, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: Nhân viên Ngân hàng H2, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; trình độ văn hóa: lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn L2 và bà Phạm Thị L3; vợ: Lưu Thị Hương Q và có 01 con sinh năm 2024; tiền án: không; tiền sự: không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, hiện đang chấp hành Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú theo lệnh số: 57/LCCT - TA ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Yên Mô. Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Đinh Thị S: Luật sư Nguyễn Quốc V – Công ty L4, thuộc Đoàn luật sư tỉnh N. (Có mặt).

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Đỗ Văn T – sinh năm 1978; trú tại: Tổ dân phố Y, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa thì vụ án có nội dung như sau: Đỗ Văn T trú tại tổ dân phố Y, thị trấn Y, huyện Y là chồng của Đinh Thị S ký hợp đồng bán vé lô tô, xổ số kiến thiết với công ty xổ số kiến thiết tỉnh N. Do S thường xuyên ra ngồi bán vé lô tô, xổ số kiến thiết cùng chồng nên S thấy việc bán trái phép số lô, số đề thông qua tin nhắn điện thoại đơn giản và thu lợi nhuận cao, do đó S nảy sinh ý định bán số lô, số đề cho khách để hưởng lợi. Do quen biết với Phạm Duy K, trú tại tổ dân phố T, thị trấn Y và Nguyễn Văn T1, trú tại thôn T, xã Y, huyện Y nên Đinh Thị S, Phạm Duy K, Nguyễn Văn T1 đã thỏa thuận người mua nhắn tin mua số lô, số đề với số tiền cho S và đối chiếu kết quả xổ số mở thưởng trong ngày để trả thưởng. Đề 02 số là số tự nhiên có hai chữ số nếu trùng với 02 số cuối của giải đặc biệt thì trúng thưởng theo tỷ lệ x 80 lần số tiền đã mua; đối với số lô, 01 điểm lô tương ứng với 22.000 đồng, nếu trùng với 02 số cuối của 27 giải thưởng thì trúng thưởng 1 điểm lô x 80.000 đồng.

Ngày 13/6/2024 biết Đinh Thị S đã có hành vi bán số lô, số đề cho Phạm Duy K và Nguyễn Văn T1 cụ thể:

- **Hành vi bán số lô, số đề với Phạm Duy K:** Hồi 17 giờ 23 phút ngày 13/6/2024 Phạm Duy K sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Promax, lắp sim thuê bao số 0817.297.698 đăng nhập tài khoản zalo tên “Phạm Duy K” đăng ký bằng số điện thoại 0817.297.698 của K nhắn tin qua ứng dụng zalo đến tài khoản zalo tên “Tuấn Đ” được đăng ký bằng số điện thoại 0974.470.176 của Đinh Thị S đăng nhập trên điện thoại di động nhãn hiệu “OPPO A38” với nội dung: “121 50đ De 50” có nghĩa K hỏi mua số lô 12 và 21 mỗi số 50 điểm, mua số đề 50 giá 50.000 đồng. Tổng số tiền K mua số lô,

số đề trái phép của S là 2.250.000 đồng. Đến 17 giờ 27 phút cùng ngày Sâm nhắn tin qua ứng dụng zalo trả lời K “Ok” có nghĩa Sâm đồng ý bán các số lô, số đề nêu trên cho K. Tổng số tiền K mua số lô, số đề trái phép của S là 2.250.000 đồng.

Sau khi đối chiếu kết quả xổ số kiến thiết miền B mở thưởng ngày 13/6/2024, Phạm Duy K trúng thưởng 02 lần số lô 21 x 50 điểm thành tiền là 8.000.000 đồng. Số tiền Phạm Duy K và Đinh Thị S sử dụng đánh bạc là $(8.000.000đ + 2.250.000đ) = 10.250.000đ$ (Mười triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

- **Hành vi bán số lô, số đề với Nguyễn Văn T1** : Nguyễn Văn T1 viết các số lô ra một tờ giấy, 18 giờ 12 phút ngày 13/6/2024 Nguyễn Văn T1 sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu VIVO, lắp sim thuê bao số 0384.702.428 đăng nhập tài khoản zalo tên “Nguyen Văn T3” chụp ảnh lại tờ giấy ghi: “lô 36 x 10đ; lô 19, 11 x 100đ, lô: 70, 80 x 50đ; lô: 68, 86, 25, 52, 88, 02 x 10đ; lô: 00, 26, 62, 07, 70, 12, 21, 24, 42, 93 x 10đ, lô: 58, 85 mỗi số 25đ” gửi đến tài khoản zalo tên “Thanh Thảo” của Đinh Thị S được đăng ký bằng số điện thoại 0966.511.435 lắp trên điện thoại di động nhãn hiệu Realme. Nội dung tin nhắn có nghĩa T3 mua của S số lô 36 – 10 điểm; số 19, 11 mỗi số 100 điểm; số 70, 80 mỗi số 50 điểm; số 68, 86, 25, 52, 88, 02 mỗi số 10 điểm; số 00, 26, 62, 07, 70, 12, 21, 24, 42, 93 mỗi số 10 điểm, số 58, 85 mỗi số 25 điểm. Tổng là 520 điểm lô thành tiền là 11.440.000 đồng. Sau khi nhận được tin nhắn S đã nhắn “Ok” gửi cho T3.

Sau có kết quả xổ số kiến thiết miền B mở thưởng ngày 13/6/2024, Nguyễn Văn T1 trúng thưởng 02 lần số lô 02 x 10 điểm = 1.600.000 đồng; 01 lần số lô 26 x 10 điểm = 800.000 đồng; 01 lần số lô 62 x 10 điểm = 800.000 đồng; 02 lần số lô 21 x 02 x 10 điểm = 1.600.000 đồng. Tổng số tiền trúng thưởng của Nguyễn Văn T1 trúng thưởng là 4.800.000đ (bốn triệu tám trăm nghìn đồng). Số tiền Nguyễn Văn T1 và Đinh Thị S sử dụng vào việc đánh bạc là $(11.440.000đ + 4.800.000đ) = 16.240.000đ$ (Mười sáu triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng).

Tổng số tiền Đinh Thị S sử dụng vào việc đánh bạc là 26.490.000đ (hai mươi sáu triệu bốn trăm chín mươi nghìn đồng)

Đinh Thị S, Phạm Duy K và Nguyễn Văn T1 chưa thanh toán tiền mua số lô, số đề và thanh toán tiền trúng thưởng cho nhau. 18 giờ 45 phút ngày 13/6/2024 trong lúc Đinh Thị S ngồi ở bàn bán xổ số của ông Đỗ Văn T đặt trước cửa nhà S thì bị Công an huyện Y kiểm tra hành chính phát hiện, bắt giữ.

Quá trình điều tra Cơ quan CSĐT Công an huyện Y đã thu giữ của Đinh Thị S 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu “Realme” bên trong lắp sim số 0966.511.435 và 01 điện thoại nhãn hiệu OPPO A38 bên trong lắp sim số 0974.470.176, tiến hành kiểm tra mục tin nhắn zalo và thư mục “Cloud của tôi” trong 2 chiếc điện thoại thu giữ của S còn lưu trữ tin nhắn mua bán số lô, số đề

giữa Sâm với Phạm Duy K và Nguyễn Văn T1. Thu giữ của Phạm Duy K 01 điện thoại di động Iphone 14 Promax, bên trong lắp sim số 0817297698; Thu giữ của Nguyễn Văn T1 01 điện thoại di động nhãn điện thoại di động nhãn hiệu VIVO 1906, lắp sim thuê bao số 0384.702.428.

Ngày 12/8/2024 Đinh Thị S, Phạm Duy K, Nguyễn Văn T1 đã tự nguyện nộp cho Cơ quan điều tra Công an huyện Y tổng số tiền 26.490.000đ (hai mươi sáu triệu bốn trăm chín mươi nghìn đồng). Cụ thể: Đinh Thị S nộp 12.800.000đ (mười hai triệu tám trăm nghìn đồng); Phạm Duy K nộp 2.250.000đ (hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng); Nguyễn Văn T1 nộp 11.440.000đ (mười một triệu bốn trăm bốn mươi nghìn đồng).

Tại bản Cáo trạng số 39/CT- VKS ngày 08 tháng 10 năm 2024 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Yên Mô đã truy tố bị cáo Đinh Thị S; Phạm Duy K và Nguyễn Văn T1 để xét xử về tội: “Đánh bạc” theo khoản 1, khoản 3 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Mô giữ quyền công tố giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Đinh Thị S; Phạm Duy K và Nguyễn Văn T1 phạm tội: “Đánh bạc”.

- Áp dụng: khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 - Điều 51, Điều 36 của Bộ luật hình sự. Xử phạt: Đinh Thị S từ 12 (mười hai) đến 18 (mười tám) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện Y nhận được quyết định thi hành án. Phạt bổ sung từ 10.000.000đ đến 15.000.000đ, khấu trừ từ 5% đến 10% thu nhập trong thời gian thi hành án.

- Áp dụng: khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 - Điều 51, Điều 36 của Bộ luật hình sự. Xử phạt: Nguyễn Văn T1 từ 12 (mười hai) đến 18 (mười tám) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện Y nhận được quyết định thi hành án. Phạt bổ sung từ 10.000.000đ đến 15.000.000đ, khấu trừ từ 5% đến 10% thu nhập trong thời gian thi hành án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 - Điều 51, Điều 35 Bộ luật hình sự, xử phạt: Phạt tiền Phạm Duy K từ 25.000.000 (hai mươi lăm triệu đồng) đến 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng).

Về xử lý vật chứng và áp dụng biện pháp tư pháp: Điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, b, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

+Tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 26.490.000đ (Hai mươi sáu triệu bốn trăm chín mươi nghìn đồng) .

+Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu “Realme”, 01 điện thoại nhãn hiệu OPPO A38 thu của Đinh Thị S. 01 điện

thoại di động Iphone 14Promax thu của Phạm Duy K. 01 điện thoại di động nhãn điện thoại di động nhãn hiệu VIVO thu của Nguyễn Văn T1.

+ Tịch thu tiêu hủy 04 sim điện thoại thu của Đinh Thị S, Nguyễn Văn T1, Phạm Duy K; 01 bút bi.

(Chi tiết như biên bản giao nhận vật chứng ngày 09/10/2024 và ủy nhiệm chi ngày 11/10/2024 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Y với Chi Cục thi hành án dân sự huyện Yên Mô).

Án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự. Điều 6; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Đinh Thị S, Nguyễn Văn T1, Phạm Duy K mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ án phí sơ thẩm hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Đinh Thị S, Nguyễn Văn T1, Phạm Duy K khai nhận hành vi đánh bạc bằng hình thức mua bán số lô, số đề được thua bằng tiền qua tin nhắn ứng dụng Zalo đúng như bản cáo trạng đã truy tố. Bị cáo S thừa nhận trong ngày 13/6/2024 đã bán số lô số đề qua tin nhắn zalo cho Nguyễn Văn T1 số tiền là 11.440.000đ, khi có kết quả xổ số Nguyễn Văn T1 đã trúng 60 điểm số lô thành tiền là 4.800.000đ và bán cho Phạm Duy K số lô, số đề với tổng số tiền là 2.250.000đ sau khi có kết quả xổ số K đã trúng 100 điểm lô thành tiền là 8.000.000đ, các bị cáo Nguyễn Văn T1 và Phạm Duy K đều chưa thanh toán tiền mua số lô số đề cho Đinh Thị S và S cũng chưa thanh toán số tiền trúng thưởng cho Nguyễn Văn T1 và Phạm Duy K. Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Mô đã truy tố đối với các bị cáo là đúng người, đúng tội, không oan. Các bị cáo không có ý kiến tranh luận với bài luận tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Đinh Thị S trong bài bào chữa cho bị cáo cũng thừa nhận bản cáo trạng truy tố đối với bị cáo là đúng người, đúng tội. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét do điều kiện hoàn cảnh và nhận thức của bị cáo kém dẫn đến hành vi phạm tội. Tính chất hành vi phạm tội của bị cáo không lớn sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo ăn năn hối cải, đã tự nguyện nộp toàn bộ số tiền có được từ việc đánh bạc, bố đẻ bị cáo được tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhất đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 – Điều 51 Bộ luật hình sự. Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 – Điều 51 Bộ luật hình sự nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 và Điều 36 Bộ luật hình sự cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất, được cải tạo tại địa phương để có điều kiện giúp đỡ gia đình và xử phạt bị cáo hình phạt bổ sung mức thấp nhất của khung hình phạt để bị cáo có điều kiện chăm sóc các con.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: do không hiểu biết pháp luật nên các bị cáo đã thực hiện hành vi vi phạm pháp luật, đến nay các bị cáo rất ân hận về việc làm của mình và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các

bị cáo, cho các bị cáo được cải tạo tại địa phương để có điều kiện cải tạo và giúp đỡ gia đình. Bị cáo K xin được áp dụng hình phạt chính là phạt tiền. Các bị cáo hứa không vi phạm pháp luật và cải tạo để trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện Y, điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Mô, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi và quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi của bị cáo: Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với tài liệu chứng cứ đã thu thập như: nội dung tin nhắn mua bán số lô, số đề của các bị cáo lưu trong điện thoại của Đinh Thị S, kết quả xổ số kiến thiết miền B mở thưởng ngày 13/6/2024 cùng các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập trong hồ sơ vụ án. Như vậy có đủ căn cứ kết luận: Ngày 13-6-2024 Đinh Thị S đã có hành vi đánh bạc với Phạm Duy K và Nguyễn Văn T1 bằng hình thức mua bán số lô, số đề trái phép thông qua tin nhắn trên máy điện thoại di động. Cụ thể Đinh Thị S đã có hành vi :

+ Bán cho Phạm Duy K 100 điểm số lô và 50.000đ số đề với tổng số tiền là 2.250.000đ, sau khi có kết quả xổ số K đã trúng số lô 21 được số tiền là 8.000.000. Số tiền sử dụng vào việc đánh bạc của Đinh Thị S và Phạm Duy K là 10.250.000đ (mười triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

+ Bán cho Nguyễn Văn T4 520 điểm lô thành tiền là 11.440.000đ. Sau khi có kết quả T4 đã trúng 60 điểm lô thành tiền là 4.800.000đ (bốn triệu tám trăm nghìn đồng). Số tiền sử dụng vào việc đánh bạc của Đinh Thị S và Nguyễn Văn T1 16.240.000đ (Mười sáu triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng).

Tổng số tiền sử dụng vào việc đánh bạc của Đinh Thị S là 26.490.000đ (hai sáu triệu bốn trăm chín mươi nghìn đồng).

Hành vi của các bị cáo Đinh Thị S, Nguyễn Văn T1 và Phạm Duy K đã xâm phạm trực tiếp đến trật tự công cộng là khách thể được luật hình sự bảo vệ, ảnh hưởng xấu đến tình hình trị an ở địa phương, gây bất bình trong quần chúng nhân dân. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi, nhận thức rõ đánh lô, đề được thua bằng tiền là một hình thức đánh bạc bị Nhà nước nghiêm

cầm nhưng vẫn thực hiện. Hành vi của các bị cáo Đinh Thị S, Nguyễn Văn T1 và Phạm Duy K đã phạm vào tội “đánh bạc” thuộc trường hợp “tiền và hiện vật dùng vào việc đánh bạc trị giá từ 5.000.000đ đến dưới 50.000.000đ” quy định tại khoản 1 - Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

Điều 321. Tội đánh bạc

1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm

...

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.

Cáo trạng số 39/CT– VKS ngày 08 tháng 10 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Mô đã truy tố các bị cáo Đinh Thị S; Phạm Duy K và Nguyễn Văn T1 với tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ đúng pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo:

- Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Cả ba bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên toà các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; tự nguyện giao nộp số tiền mua bán số lô, số đề và tiền thu lợi từ việc phạm tội mà có; các bị cáo đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo S có bố đẻ là ông Đinh Văn L được Chủ tịch nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhất; bị cáo Nguyễn Văn T1 có mẹ đẻ là bà Nguyễn Thị T2 được tặng Huy chương kháng chiến hạng nhì nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

- Về nhân thân: Bị cáo Phạm Duy K có nhân thân tốt, chưa lần nào vi phạm pháp luật.

Bị cáo Đinh Thị S ngày 02/12/2019 bị Công an huyện Y xử phạt vi phạm hành chính phạt 1.500.000đ về hành vi đánh bạc, đến ngày 09/12/2019 bị cáo đã chấp hành xong việc nộp phạt. Theo quy định tại Điều 7 Luật xử lý vi phạm hành chính bị cáo Đinh Thị S được xác định không có tiền sự về hành vi đánh bạc.

Bị cáo Nguyễn Văn T1 ngày 17/11/2017 đã bị Công an huyện Y xử phạt vi phạm hành chính, phạt tiền 1.500.000đ về hành vi “Đánh bạc” đến ngày 11/3/2024 bị cáo chấp hành nộp xong tiền phạt. Căn cứ Điều 7 Luật xử lý vi phạm hành chính từ khi chấp hành xong quyết định xử phạt hành chính đến ngày bị cáo thực hiện hành vi phạm tội chưa quá 1 năm nên bị cáo Nguyễn Văn T1 xác định có 01 tiền sự về hành vi đánh bạc.

[4] Về vai trò của các bị cáo: Các bị cáo tham gia vụ án với tính chất đồng phạm giản đơn, không có sự bàn bạc thống nhất từ trước. Căn cứ vào mức độ thực hiện hành vi phạm tội của các bị cáo thì thấy:

Đối với bị cáo Đinh Thị S là người giữ vai trò chính trong vụ án, bị cáo trực tiếp bán các số lô, số đề cho bị cáo T1 và K, số tiền bị cáo sử dụng vào đánh bạc nhiều nhất. Đối với Nguyễn Văn T1 và Phạm Duy K đều là người mua số lô, số đề và số tiền sử dụng đánh bạc ngang nhau nên xếp vai trò thứ hai sau bị cáo S.

[5] Về hình phạt: Các bị cáo phạm tội ít nghiêm trọng, tính chất vụ án không lớn, là nhân dân lao động thuần túy, quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội. Các bị cáo đều có nhiều tình tiết giảm nhẹ và có nơi cư trú rõ ràng. Hội đồng xét xử thấy có căn cứ chấp nhận đề nghị của bị cáo, của Luật sư và đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa, không cần thiết phải áp dụng hình phạt tù đối với các bị cáo mà chỉ cần áp dụng Điều 36 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Đinh Thị S và Nguyễn Văn T1 phạt các bị cáo bằng hình phạt cải tạo không giam giữ, khấu trừ một phần thu nhập đối với các bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ cũng đủ giáo dục các bị cáo thành người công dân tốt có ích cho xã hội. Bị cáo phạm Duy K có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân tốt, ngoài lần phạm tội này ra chưa vi phạm pháp luật lần nào nên cần áp dụng Điều 35 Bộ luật hình sự phạt tiền đối với bị cáo cũng có tác dụng giáo dục cải tạo các bị cáo thành công dân tốt, có ích cho xã hội.

- Về hình phạt bổ sung: Cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Đinh Thị S và Nguyễn Văn T1 theo quy định tại khoản 3 – Điều 321 Bộ luật hình sự.

[6] Về xử lý vật chứng và áp dụng biện pháp tư pháp:

Đối với 04 chiếc điện thoại cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Y thu giữ của Đinh Thị S, Phạm Duy K và Nguyễn Văn T1 là công cụ các đối tượng sử dụng vào việc mua bán lô, đề trái phép nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự cần tịch thu sung ngân sách nhà nước.

Đối với 4 chiếc sim lắp trong 4 điện thoại thu của các bị cáo S, T1, K không còn giá trị sử dụng nên căn cứ khoản 1 - Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm c, khoản 2 - Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với số tiền 26.490.000đ (Hai mươi sáu triệu bốn trăm chín mươi nghìn đồng) cơ quan điều tra đã thu. Trong đó thu của Đinh Thị S 12.800.000đ; thu của Nguyễn Văn T1 11.440.000đ; thu của Phạm Duy K 2.250.000đ. Đây là số tiền các bị cáo S, T1, K mua bán số lô số đề và tiền trúng số lô số đề, là tiền do phạm tội mà có, do vậy cần áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm b, khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

[7] Các vấn đề khác: Đối với ông Đỗ Văn T, sinh năm 1978 trú tại tổ dân phố Y, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình là chồng của bị cáo Đinh Thị S: Ông T là người đứng tên đăng ký chính chủ sim số thuê bao: 0974.470.176 và 0966.511.435 là chiếc sim bị cáo S dùng đăng ký tài khoản zalo “Tuấn Đ” và “Thanh Thảo” để bán số lô, số đề cho Phạm Duy K và Nguyễn Văn T1 vào ngày 13/6/2024. Quá trình điều tra xác định ông T không sử dụng 02 sim số thuê bao nêu trên và không biết việc bị cáo S bán số lô, số đề trái phép cho bị cáo K và bị cáo T1. Vì vậy không có căn cứ xem xét, xử lý đối với ông Đỗ Văn T.

[8] Án phí hình sự, quyền kháng cáo: Các bị cáo bị kết án nên phải nộp số tiền án phí hình sự sơ thẩm theo qui định. Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 - Điều 51, Điều 36 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Đinh Thị S, Nguyễn Văn T1.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 - Điều 51, Điều 35 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Phạm Duy K.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, c, khoản 2 Điều 106, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 6; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Tuyên bố: Các bị cáo Đinh Thị S; Phạm Duy K, Nguyễn Văn T1 phạm tội “Đánh bạc”.

3. Xử phạt:

- Đinh Thị S 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện Y nhận được quyết định thi hành án.

Giao bị cáo cho UBND thị trấn Y, huyện Y giám sát giáo dục trong thời gian chấp hành án cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND thị trấn Y trong việc giám sát giáo dục bị cáo.

Khấu trừ 5% thu nhập của bị cáo Đinh Thị S trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Hình phạt bổ sung: Phạt tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng) đối Đinh Thị S để sung Ngân sách Nhà nước.

- Xử phạt: Nguyễn Văn T1 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện Y nhận được quyết định thi hành án.

Giao bị cáo cho UBND xã Y, huyện Y giám sát giáo dục trong thời gian chấp hành án cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND xã Y trong việc giám sát giáo dục bị cáo.

Khấu trừ 5% thu nhập của bị cáo Nguyễn Văn T1 trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Hình phạt bổ sung: Phạt tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng) đối với Nguyễn Văn T1 để sung Ngân sách Nhà nước.

- Xử phạt: Phạm Duy K 25.000.000 (hai mươi lăm triệu đồng).

4. Về xử lý vật chứng và áp dụng biện pháp tư pháp:

- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 26.490.000đ (Hai mươi sáu triệu bốn trăm chín mươi nghìn đồng) .

-Tịch thu sung Ngân sách Nhà nước:

+ 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu “Realme” và 01 điện thoại nhãn hiệu OPPO A38 thu của Đinh Thị S.

+ 01 điện thoại di động Iphone 14 Promax thu của Phạm Duy K

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu điện thoại di động nhãn hiệu VIVO thu của Nguyễn Văn T1.

- Tịch thu tiêu hủy 04 sim điện thoại thu của Đinh Thị S, Nguyễn Văn T1, Phạm Duy K; 01 bút bi.

(Chi tiết như biên bản giao nhận vật chứng ngày 09/10/2024 và ủy nhiệm chỉ ngày 11/10/2024 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Y với Chi Cục thi hành án dân sự huyện Yên Mô).

5. Án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo Đinh Thị S, Phạm Duy K và Nguyễn Văn T1 mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng).

Án xử sơ thẩm công khai, các bị cáo, luật sư Nguyễn Văn V1 có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành, người phải thi hành có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời

hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình (1)
- VKSND huyện Yên Mô (1)
- VKSND tỉnh Ninh Bình (1)
- Công an huyện Yên Mô (1)
- Chi cục THADS huyện Yên Mô (1)
- Bị cáo (3);
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Thị Hoa

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Tạ Văn Toàn Lưu Xuân H

Nguyễn Thị H1

